

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐỒ ĂN NHANH CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ 6 NGÀNH Y KHOA VÀ Y HỌC DỰ PHÒNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN NĂM 2022 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Hoàng Thị Thanh Tú¹, Trương Thị Thùy Dương¹, Nguyễn Thu Trang¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh và phân tích một số liên yếu tố liên quan đến việc sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên năm thứ 6 ngành Y Khoa và Y học Dự Phòng trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên năm 2022. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp mô tả với thiết kế cắt ngang trên 329 sinh viên năm thứ 6 ngành Y Khoa và Y học Dự Phòng của trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên. **Kết quả nghiên cứu:** Tỷ lệ sinh viên năm thứ 6 ngành Y Khoa và Y học Dự Phòng sử dụng đồ ăn nhanh khá cao chiếm 75,4%. Tần suất sử dụng đồ ăn nhanh cũng tương đối nhiều, trong 3 ngày thì có đến 534 lượt sử dụng; Món bánh mì kẹp truyền thống được sinh viên sử dụng nhiều nhất chiếm 34,5%, tỷ lệ sinh viên sử dụng đồ ăn nhanh vào bữa sáng (37,1%) và bữa trưa (35,8%) là chủ yếu; có tới 76,9% sinh viên sử dụng đồ ăn nhanh đến khi no hơn là ăn kèm với các loại đồ ăn khác, lý do sử dụng đồ ăn nhanh chủ yếu là tiết kiệm thời gian (51,9%), giá thành rẻ (43,3%), phù hợp khẩu vị (37,8%) và gặp gỡ, tụ tập bạn bè người thân (34,5%). Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa số lượng cửa hàng ăn nhanh xung quanh nơi ở tới tỷ lệ sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên ($p < 0,05$).

Từ khóa: Thực trạng, đồ ăn nhanh, sinh viên năm thứ 6 ngành Y Khoa và Y học Dự Phòng, Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên, yếu tố liên quan.

SUMMARY

THE STATUS OF USING FAST FOOD OF THE 6th YEAR STUDENTS OF MEDICAL AND PREVENTIVE MEDICINE AT UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY - THAI NGUYEN UNIVERSITY IN 2022 AND SOME RELATED FACTORS

Objectives: Describe the status of using fast food and to analyze of some factors related to using fast food of the 6th year student majoring of Medical and Preventive Medicine at University of Medicine and Pharmacy - Thai Nguyen University in 2022.

Research subjects and methods: The study was conducted by descriptive method with a cross-sectional design on 329 6th year student majoring in Medical and Preventive Medicine tại University of

Medicine and Pharmacy - Thai Nguyen University. **Research Results:** The rate of 6th year student majoring in Medicine and Preventive Medicine using fast food was quite high, accounting for 75.4%. The frequency of using fast food was also relatively high, in 3 days, there were 534 times of use: Traditional sandwiches are used the most by students, accounting for 34.5%, the rate of students using food fast breakfast (37.1%) and lunch (35.8%) mainly; up to 76.9% of students use fast food until they were full rather than eating with other foods, the main reason for using fast food was to save time (51.9%), cost cheap (43.3%), suitable for taste (37.8%), and meeting and gathering friends and relatives (34.5%). There was a statistically significant relationship between the number of fast food restaurants around the residence and the percentage of students using fast food ($p < 0.05$).

Keywords: The status, fast food, the 6th year student majoring of Medical and Preventive Medicine, University of Medicine and Pharmacy - Thai Nguyen University, related factors.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xã hội ngày càng phát triển đồng nghĩa với mức sống và nhu cầu của con người ngày càng cao. Đồ ăn nhanh trở thành một sự lựa chọn của số đông người tiêu dùng đặc biệt là ở đối tượng sinh viên. Đồ ăn nhanh là thuật ngữ dùng để chỉ những món ăn vừa được chế biến nhanh vừa được ăn trong thời gian ngắn, thậm chí được mang theo ăn trên đường đi. Bất kỳ bữa ăn với thời gian chuẩn bị ngắn cũng có thể được xem là đồ ăn nhanh [2].

Kết quả nghiên cứu Hoàng Thị Đức Ngân, Trịnh Hồng Sơn và Cộng sự (2021) ở đối tượng 15-25 tuổi cho thấy: Tỷ lệ đối tượng sử dụng đồ ăn nhanh và đồ uống đóng chai chiếm tới 94,4%. Tiêu thụ đồ ăn nhanh được xác định là có mối liên quan với tăng năng lượng nạp vào, là một trong những nguyên nhân dẫn tới sự gia tăng của thừa cân, béo phì [1]. Kết quả nghiên cứu của tác giả Phạm Bích Diệp và Lê Thị Ngân (2021) trên sinh viên năm thứ 1, 3, 6 của trường Đại học Y Hà Nội cũng cho thấy: Tỷ lệ sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên khá là cao 82,2% [3].

Sinh viên là giai đoạn chuyển tiếp giữa trẻ vị thành niên và người trưởng thành do vậy khi thiếu hoặc thừa dinh dưỡng sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển tư duy. Thói quen sử dụng đồ ăn nhanh cũng là nguyên nhân dẫn đến

¹Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên

Chịu trách nhiệm chính: Hoàng Thị Thanh Tú

Email: hoangthanhthu1911@gmail.com

Ngày nhận bài: 15.3.2023

Ngày phản biện khoa học: 20.4.2023

Ngày duyệt bài: 23.5.2023

nguy cơ thừa dinh dưỡng. Sinh viên ngành Y là những người sau này sẽ tham gia vào hệ thống chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng, do đó kiến thức, thái độ, thực hành dinh dưỡng không chỉ tác động đến bản thân mà còn đến gia đình và xã hội. Sinh viên năm thứ 6 đặc biệt ngành Y Khoa và Y học Dự Phòng là sinh viên năm cuối cần nhiều thời gian cho việc học tập để tốt nghiệp đại học, do đó việc sử dụng đồ ăn nhanh càng trở nên phổ biến. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với 2 mục tiêu:

- *Mô tả thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên năm thứ 6 ngành Y Khoa và Y học Dự phòng trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên năm 2022.*

- *Phân tích một số liên yếu tố liên quan đến việc sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên năm thứ 6 ngành Y Khoa và Y học Dự phòng tại địa điểm nghiên cứu.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. Sinh viên năm thứ 6 ngành Y khoa và Y học Dự Phòng trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên.

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Sinh viên năm thứ 6 ngành Y khoa và Y học Dự Phòng trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên đồng ý tham gia trả lời phỏng vấn.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- **Thời gian:** Từ tháng 3 năm 2022 đến tháng 2 năm 2023.

- **Địa điểm:** Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Thiết kế nghiên cứu. Nghiên cứu mô tả, thiết kế cắt ngang.

2.3.2. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

***Cỡ mẫu:** Chọn toàn bộ sinh viên năm thứ 6 ngành Y Khoa và Y học Dự Phòng của trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên, tổng số có 329 sinh viên trong đó có 26 sinh viên khoa Y học dự phòng và 303 sinh viên Y khoa.

*** Phương pháp chọn mẫu:** Chọn chủ đích toàn bộ sinh viên năm thứ 6 ngành Y Khoa và Y học Dự phòng của trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên.

2.4. Biến số và chỉ số nghiên cứu

2.4.1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu. Đặc điểm thông tin của đối tượng nghiên cứu: Giới, dân tộc, ngành học, nơi sống, người sống cùng, tình hình tài chính và số lượng cửa hàng ăn nhanh xung quanh nơi ở.

2.4.2. Thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên

- Tỷ lệ sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên.
- Tần suất sử dụng đồ ăn nhanh trong 3 lần gần ngày phỏng vấn nhất.

- Hoàn cảnh sử dụng đồ ăn nhanh: Thời gian sử dụng đồ ăn nhanh, loại đồ ăn nhanh và đồ uống đi kèm, lý do, số lượng người đi ăn cùng, người đi ăn cùng và mối quan hệ với họ.

2.4.3. Một số yếu tố liên quan đến thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên

- Mối liên quan giữa nơi ở của đối tượng nghiên cứu đến thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên.

- Mối liên quan giữa tình hình tài chính đến thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên.

- Mối liên quan giữa số lượng cửa hàng ăn nhanh đến thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên.

2.5. Tiêu chuẩn đánh giá chỉ số nghiên cứu

- Đồ ăn nhanh là loại thức ăn được chế biến và phục vụ một cách nhanh chóng, được bán tại một nhà hàng hoặc cửa hàng với các thành phần làm nóng trước hoặc được nấu sẵn, và phục vụ cho khách hàng theo hình thức đóng gói để mang đi hoặc ngồi ăn tại đó, cụ thể đồ ăn nhanh được khảo sát trong nghiên cứu này là bánh mì kẹp truyền thống, xúc xích, hamburger, pizza, gà rán, đồ ăn đóng hộp, đóng gói chế biến sẵn, khoai tây chiên [3].

- Thông tin liên quan đến sử dụng đồ ăn nhanh được xây dựng dựa theo lý thuyết thói quen hành vi được kích hoạt theo hoàn cảnh [6]. Theo lý thuyết này, hành vi được lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ thành thói quen và thói quen hành vi được kích hoạt khi có hoàn cảnh phù hợp như yếu tố thời gian, không gian, những người cùng tham gia, tâm trạng.

2.6. Kỹ thuật thu thập thông tin

***Công cụ nghiên cứu:** Bộ câu hỏi được thiết kế sẵn gồm 2 phần trong đó phần 1 là các thông tin về nhân khẩu học, tình hình tài chính và số lượng cửa hàng ăn nhanh, phần 2 là thông tin liên quan đến sử dụng đồ ăn nhanh.

***Phương pháp thu thập số liệu.** Tiến hành phát phiếu phỏng vấn cho sinh viên lớp YHDP K10, và khối YK K49 theo hình thức tự điền và gửi lại phiếu cho điều tra viên.

2.7. Phương pháp xử lý số liệu. Số liệu được làm sạch, mã hóa và nhập trên phần mềm Epi Data 3.1 và xử lý trên phần mềm SPSS 25.0 với các test thống kê thích hợp.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung của đối tượng tham gia nghiên cứu

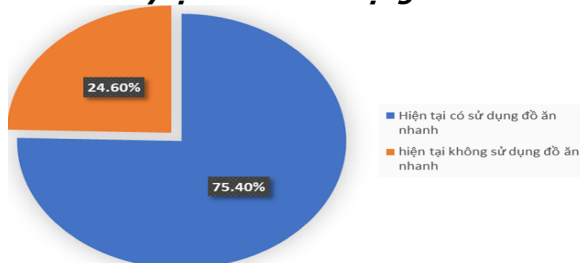
Bảng 3.1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu (n=329)

| Đặc điểm | | Số lượng | Tỷ lệ % |
|--|----------------------------|----------|---------|
| Giới | Nam | 186 | 56,5 |
| | Nữ | 143 | 43,5 |
| Dân tộc | Kinh | 232 | 70,5 |
| | Khác | 97 | 29,5 |
| Ngành học | Y học dự phòng | 26 | 7,9 |
| | Y khoa | 303 | 92,1 |
| Nơi sống | Nhà riêng | 43 | 13,1 |
| | Nhà thuê/trợ | 268 | 81,4 |
| | Kí túc xá trường | 18 | 5,5 |
| | khác | 0 | 0 |
| Người sống cùng | Sống một mình | 204 | 62,0 |
| | Sống cùng bố mẹ | 41 | 12,5 |
| | Sống cùng anh/chi/em | 24 | 7,3 |
| | Sống cùng bạn bè | 60 | 18,2 |
| Tình hình tài chính | Khó khăn | 20 | 6,1 |
| | Bình thường | 264 | 80,2 |
| | Thoải mái | 45 | 13,7 |
| Số lượng cửa hàng đồ ăn nhanh xung quanh nơi ở | Nhiều (trên 5 cửa hàng) | 109 | 33,1 |
| | Bình thường (3-4 cửa hàng) | 171 | 52,0 |
| | Ít (từ 1-3 cửa hàng) | 46 | 14,0 |
| | Không có | 3 | 0,9 |

Nhận xét: Trong tổng số 329 sinh viên tham gia nghiên cứu thì nam giới (56,5%) chiếm nhiều hơn nữ giới (43,5%) và chủ yếu là dân tộc kinh chiếm 70,5%. Có 7,9% sinh viên ngành YHDP, 92,1% sinh viên ngành YK. Đa số sinh viên sống một mình (62,0%) và hầu hết ở nhà trọ/nhà thuê (81,4%). 80,2% sinh viên cho rằng tình hình kinh tế bình thường. Số lượng cửa hàng đồ ăn nhanh xung quanh nơi ở của sinh viên đa số là từ 3 - 4 cửa hàng (52,0%).

3.2. Thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên năm thứ 6 ngành Y Khoa và Y học Dự Phòng

3.2.1. Tỷ lệ sinh viên sử dụng đồ ăn nhanh:



Biểu đồ 3.1. Tỷ lệ sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên trong 1 tháng gần đây nhất (n=329)

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên hiện tại có sử dụng đồ ăn nhanh chiếm khá cao là 75,4%.

3.2.2. Tỷ lệ sinh viên sử dụng đồ ăn nhanh trong 3 lần gần ngày phỏng vấn nhất

Bảng 3.2. Số lượng lượt và tần suất sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên được khảo sát trong 3 lần gần ngày phỏng vấn nhất (n=329)

| Lần sử dụng đồ ăn nhanh | Có | | Không | |
|----------------------------------|---------|------|---------|------|
| | Số lượt | % | Số lượt | % |
| Lần 1 (gần ngày phỏng vấn nhất) | 205 | 62,3 | 124 | 37,7 |
| Lần 2 (gần ngày phỏng vấn thứ 2) | 169 | 51,4 | 160 | 48,6 |
| Lần 3 (gần ngày phỏng vấn thứ 3) | 160 | 48,6 | 169 | 51,4 |

Nhận xét: Khảo sát 3 lần sử dụng đồ ăn nhanh gần nhất của 329 sinh viên, cho thấy có 534 lượt sử dụng, trong đó số sinh viên sử dụng gần nhất (lần 1) là 205 sinh viên, có 169 sinh viên sử dụng gần thứ hai (lần 2), và có 160 sinh viên sử dụng gần thứ ba (lần 3).

Bảng 3.3. Hoàn cảnh sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên trong 3 lần gần ngày phỏng vấn nhất (Số lượt = 534)

| Đặc điểm | Số lượt | Tỷ lệ % |
|--|-------------------------------------|----------|
| Ngày ăn | Ngày thường | 376 70,4 |
| | Cuối tuần | 158 29,6 |
| Bữa ăn | Bữa sáng | 198 37,1 |
| | Bữa trưa | 191 35,8 |
| | Bữa tối | 46 8,6 |
| | Khuya muộn | 22 4,1 |
| | Giữa các bữa | 77 14,4 |
| Ăn no hay ăn kèm với các loại đồ ăn khác | Ăn no | 411 76,9 |
| | Ăn kèm | 123 23,1 |
| Loại đồ ăn | Bánh mì kẹp | 184 34,5 |
| | Xúc xích | 138 25,8 |
| | Đồ đóng hộp, đóng gói, chế biến sẵn | 107 20,0 |
| | Gà rán | 85 15,9 |
| | Khoai tây chiên | 76 14,2 |
| | Hamburger | 25 4,7 |
| | Pizza | 17 3,2 |
| Lý do ăn đồ ăn nhanh | Tiết kiệm thời gian | 277 51,9 |
| | Giá thành rẻ | 231 43,3 |
| | Phù hợp khẩu vị | 202 37,8 |
| | Gặp gỡ, tụ tập bạn bè, người thân | 184 34,5 |
| | Không có người nấu ăn cho | 23 4,3 |
| | Khác | 9 1,7 |
| Uống cùng đồ | Có | 232 43,4 |

| | | | |
|--|------------------------|-----|------|
| uống có gas | Không | 302 | 56,6 |
| Có người ăn cùng | Có người ăn cùng | 336 | 62,9 |
| | Không có người ăn cùng | 198 | 37,0 |
| Mối quan hệ với người đi ăn cùng (Số lượt = 336) | Bạn bè | 156 | 46,4 |
| | Anh/ chị/ em | 75 | 22,3 |
| | Người yêu | 61 | 18,2 |
| | Bố mẹ | 27 | 8,0 |
| | Khác | 7 | 2,1 |

Nhận xét: Trong tổng số 534 lượt sử dụng đồ ăn nhanh thì đa số đều ăn vào ngày thường (70,4%). Sinh viên ăn đồ ăn nhanh vào tất cả

các bữa trong ngày chủ yếu là bữa sáng (37,1%) và bữa trưa (35,8%). Hầu hết sinh viên thường ăn đồ ăn nhanh đến khi no bụng (76,9%). Có 43,4% sinh viên có sử dụng kèm nước có gas trong khi ăn. Trong số 7 loại đồ ăn nhanh thì bánh mì kẹp truyền thống được sinh viên lựa chọn nhiều nhất (34,5%) và lý do sử dụng đồ ăn nhanh chủ yếu là tiết kiệm thời gian (51,9%). Có tới 336 lượt sử dụng đồ ăn nhanh có người đi cùng chiếm 62,9% trong đó đi ăn cùng bạn bè chiếm nhiều nhất (46,4%).

Bảng 3.4. Mối liên quan giữa nơi ở của sinh viên đến thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên

| | | Thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh trong 1 tháng gần nhất | | | | Tổng | p |
|-------|---------------------|---|------|------------------------|------|------|--------|
| | | Hiện tại có sử dụng | | Hiện tại không sử dụng | | | |
| | | Số Lượng | % | Số lượng | % | | |
| Nơi ở | Nhà trọ/ nhà thuê | 200 | 74,6 | 68 | 25,4 | 268 | > 0,05 |
| | Kí túc xá/Nhà riêng | 48 | 78,7 | 13 | 21,3 | 61 | |

Nhận xét: Không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa nơi ở đến thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên ($p > 0,05$).

Bảng 3.5. Mối liên quan giữa tình hình tài chính đến thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên

| | | Thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh trong 1 tháng gần nhất | | | | Tổng | p |
|---------------------|------------------------|---|------|------------------------|------|------|--------|
| | | Hiện tại có sử dụng | | Hiện tại không sử dụng | | | |
| | | Số lượng | % | Số lượng | % | | |
| Tình hình tài chính | Thoải mái/ Bình thường | 233 | 75,4 | 76 | 24,6 | 309 | > 0,05 |
| | Khó khăn | 15 | 75,0 | 5 | 25,0 | 20 | |

Nhận xét: Không thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa tình hình tài chính đến thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên ($p > 0,05$).

Bảng 3.6. Mối liên quan giữa số lượng của hàng ăn nhanh đến thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên

| | | Thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh trong 1 tháng gần nhất | | | | Tổng | p |
|----------------------------|-------------------|---|------|------------------------|------|------|--------|
| | | Hiện tại có sử dụng | | Hiện tại không sử dụng | | | |
| | | Số lượng | % | Số lượng | % | | |
| Số lượng cửa hàng ăn nhanh | ≥ 5 cửa hàng | 95 | 87,2 | 14 | 12,8 | 109 | < 0,05 |
| | < 5 cửa hàng | 153 | 69,5 | 67 | 30,5 | 220 | |

Nhận xét: Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa số lượng cửa hàng ăn nhanh xung quanh nơi ở với thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên ($p < 0,05$). Nhóm có ≥ 5 cửa hàng ăn nhanh (87,2%) có tỷ lệ cao hơn nhóm có số lượng cửa hàng ăn nhanh < 5 cửa hàng (69,5%).

IV. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy: Tỷ lệ sinh viên sử dụng đồ ăn nhanh tại địa điểm nghiên cứu là 75,4%. Kết quả này thấp hơn so với tỷ lệ sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên trường Đại học Y Hà Nội trong nghiên cứu của Phạm Bích Diệp, Lê Thị Ngân (2021) (82,2%) [3] nhưng lại cao hơn so với tỷ lệ sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên trường Đại học tại Iran trong nghiên cứu của A Mohammadbeigi, A Asgarian cùng cộng sự (2018) là 72,4% [5] và

tại Úc trong nghiên cứu của Wood W, Neal DT (2007) là 75% [6]. Nghiên cứu của chúng tôi đã mô tả hoàn cảnh sử dụng đồ ăn nhanh trong 3 ngày thì có đến 534 lượt sử dụng. Các loại đồ ăn nhanh được sử dụng trong nghiên cứu bao gồm bánh mì kẹp truyền thống, xúc xích, hamburger, pizza, đồ đóng hộp, đóng gói, chế biến sẵn, gà rán, khoai tây chiên. Trong số những loại đồ ăn nhanh kể trên, bánh mì kẹp truyền thống là món ăn nhanh được sinh viên sử dụng nhiều nhất (34,5%), nghiên cứu của Phạm Bích Diệp, Lê Thị

Ngân tại Đại học Y Hà Nội (2021) [3] và nghiên cứu nhóm từ 15-25 tuổi vùng nông thôn và thành thị thành phố Hà Nội của Hoàng Thị Đức Ngân, Trịnh Hồng Sơn và cộng sự (2021) cũng cho kết quả tương tự [1]. Điều này phù hợp với tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội tại Việt Nam, bởi bánh mì kẹp truyền thống rất phổ biến, giá thành lại khá rẻ phù hợp với điều kiện tài chính của sinh viên và còn hợp khẩu vị người Việt. Ngược lại, các món như hamburger, pizza, gà rán thường bán ở những chuỗi thương hiệu đồ ăn nhanh với giá thành khá cao thì ít sinh viên có thể sử dụng được, theo nghiên cứu của Trần Lê Diệu Hiền (2014) thì hiện nay chưa đến 10% dân số Việt Nam sử dụng loại đồ ăn này [4]. Sinh viên sử dụng đồ ăn nhanh vào các bữa sáng, bữa trưa hạn chế ăn vào bữa tối và khuya muộn (23 - 24h). Kết quả của chúng tôi có thể được giải thích do sinh viên Y có kiến thức về y học do đó nhận thức được ăn đồ ăn nhanh vào bữa tối/ăn khuya không tốt cho sức khỏe nên đã ăn hạn chế. Đa số các sinh viên sử dụng đồ ăn nhanh với lý do là tiết kiệm thời gian (51,9%), giá thành rẻ (43,3%), phù hợp khẩu vị (37,8%) và gặp gỡ, tụ tập bạn bè người thân (34,5%). Kết quả này phù hợp với thực tế của sinh viên y năm thứ 6 do cần nhiều thời gian cho việc học tập và đi trực nên việc tiết kiệm thời gian là cần thiết và đồng thời sinh viên đều đang trong môi trường Đại học nên việc gặp gỡ bạn bè cũng là thường xuyên. Việc sử dụng đồ ăn nhanh cùng nước uống có gas trong nghiên cứu cũng chiếm tỷ lệ cao (43,4%) và đây là hành vi ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe dễ gây thừa cân béo phì. 62,9% sinh viên có người ăn cùng và phần nhiều là ăn cùng bạn bè (46,4%) điều đó chứng tỏ sự ảnh hưởng của việc đi ăn cùng bạn bè đến thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh.

Kết quả của chúng tôi còn thấy rằng có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa số lượng cửa hàng đồ ăn nhanh với việc sử dụng đồ ăn nhanh ($p < 0,05$) (Bảng 3.6). Kết quả của Phạm Bích Diệp, Lê Thị Ngân tại Đại học Y Hà Nội (2021) thì lại cho thấy có mối liên quan giữa tình hình tài chính của sinh viên đến việc sử dụng đồ ăn nhanh [3]. Điều này phù hợp với tình hình của Việt Nam như chúng tôi đã nhắc đến ở phía trên, do sự phổ biến của bánh mì kẹp mà các cửa hàng, xe bán bánh mì có ở rất nhiều nơi thêm vào đó giá thành của nó lại rất rẻ. Do vậy có thể thấy kết quả nghiên cứu chúng tôi và nghiên cứu tại Đại học Y Hà Nội đều hợp lý.

V. KẾT LUẬN

- Tỷ lệ sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên năm thứ 6 ngành Y Khoa và Y học Dự phòng của trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên khá cao (75,4%).

- Khảo sát 3 lần sử dụng đồ ăn nhanh trong 3 ngày gần ngày phỏng vấn nhất cho thấy sinh viên ăn bánh mì kẹp truyền thống nhiều nhất (34,5%); ăn đồ ăn nhanh nhiều vào bữa sáng và bữa trưa, hiếm khi ăn vào bữa tối và khuya muộn; thường ăn đến khi no (76,9%) hơn là ăn kèm với các loại đồ ăn khác. Gần một nửa số lượt sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên là dùng kèm nước có gas (43,4%). Lý do ăn đồ ăn nhanh chủ yếu là do tiết kiệm thời gian (51,9%), giá thành rẻ (43,3%), phù hợp khẩu vị (37,8%) và gặp gỡ tụ tập bạn bè người thân (34,5%).

- Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa số lượng cửa hàng ăn nhanh xung quanh nơi sống tới tỷ lệ sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên ($p < 0,05$).

VI. KHUYẾN NGHỊ

Tăng cường truyền thông giáo dục dinh dưỡng cho sinh viên ở các trường Cao đẳng và Đại học về việc hạn chế sử dụng đồ ăn nhanh và hướng dẫn lựa chọn thực phẩm có lợi cho sức khỏe.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Thị Đức Ngân, Trịnh Hồng Sơn, Ngô Thị Thu Huyền (2021), "Thực trạng tiêu thụ thức ăn nhanh và đồ uống trước và trong dịch COVID-19 ở những người 15 - 25 tuổi tại vùng nông thôn và thành thị Thành phố Hà Nội". Tạp chí Dinh dưỡng & Thực phẩm, tập 17, số 2, tr. 1 - 8.
2. Nguyễn Thị Minh Hải, Trần Quang Huy (2017), "Thói quen sử dụng thức ăn nhanh của người tiêu dùng thành phố Long Xuyên", Tạp chí Khoa học số 24, tr. 104 - 109.
3. Phạm Bích Diệp, Lê Thị Ngân (2022), "Thực trạng sử dụng đồ ăn nhanh của sinh viên trường Đại học Y Hà Nội và một số yếu tố liên quan năm 2020 - 2021", Tạp chí Y học dự phòng, Tập 32, số 6 - 2022, tr. 54 - 62.
4. Trần Lê Diệu Hiền (2014), "Các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng thức ăn nhanh của sinh viên tại thành phố Hồ Chí Minh", luận văn đồ án tốt nghiệp, khoa Marketing, trường Đại học Tài chính - Marketing.
5. A Mohammadbeigi, A Asgarian, E Moshir, H Heidari, S Afrashteh, S Khazaei, H Ansari (2018), "Fast food consumption and overweight/obesity prevalence in students and its association with general and abdominal obesity", journal of preventive medicine and hygiene 28/9/2018 59(3), pp: 236 - 240.
6. Wood W, Neal DT (2007) "A new look at habits and the habit-goal interface. Psychol Rev", 114 (4), pp: 843 - 863.